CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2024

CTCP Thủy điện Buôn Đôn

Ngày 30/09/2024	22,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**-0.5%**	**-1.8%**

DT thuần
Q3/24
117
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 76.2| 187%
YoY: ▼11.0| -8.4%

LN thuần
Q3/24
34.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 31.2| 1053%
YoY: ▼8.80| -20.4%

LN sau thuế
Q3/24
32.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 29.7| 1059%
YoY: ▼8.40| -20.6%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/24
34.4%
YoY: +/-▲ 11.0%

ROE (TTM)
Q3/24
3.3%
YoY: +/-▼ 1.0%

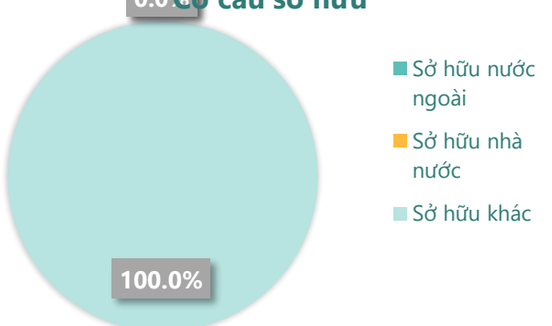
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	16,638 - 23,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,477
Số lượng CPLH (CP)	66,850,975
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,040
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.12
EPS	478
P/E	46.3

DT thuần
9T 2024
192
tỷ VNĐ
YoY: ▼42.0| -18.1%

LN thuần
9T 2024
37.7
tỷ VNĐ
YoY: ▼20.9| -35.7%

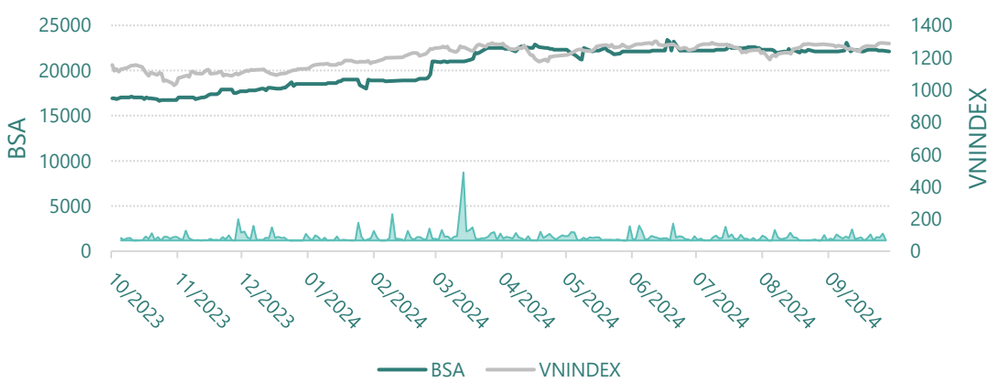
LN sau thuế
9T 2024
35.7
tỷ VNĐ
YoY: ▼19.9| -35.8%

Cơ cấu sở hữu

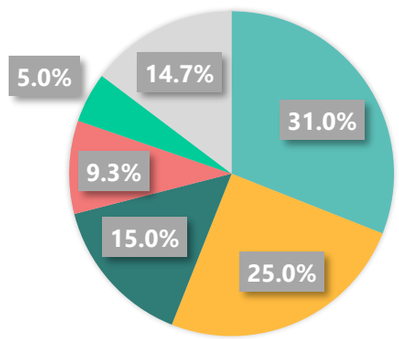


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

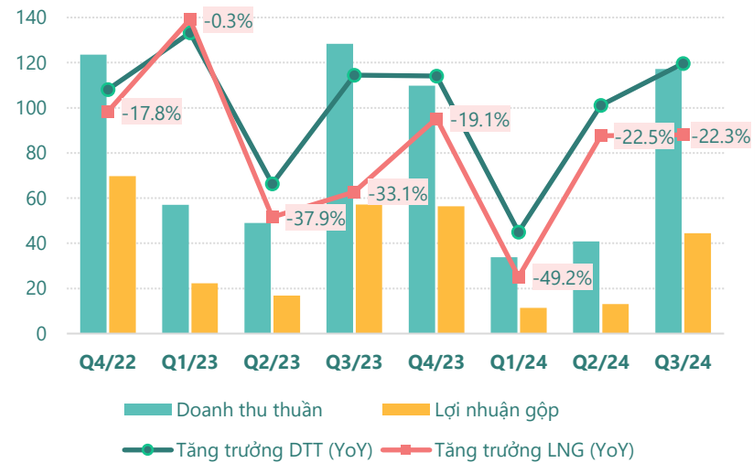


- CTCP Tư vấn Xây dựng Điện 4
- CTCP Nhiệt điện Bà Rịa
- CTCP Nhiệt điện Phả Lại
- Nguyễn Văn Luận (Thành viên HĐQT)
- CTCP Tư vấn Xây dựng Điện 2
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

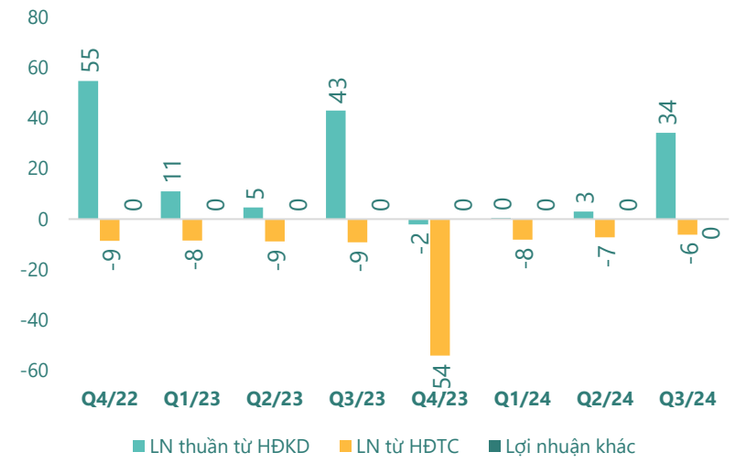
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



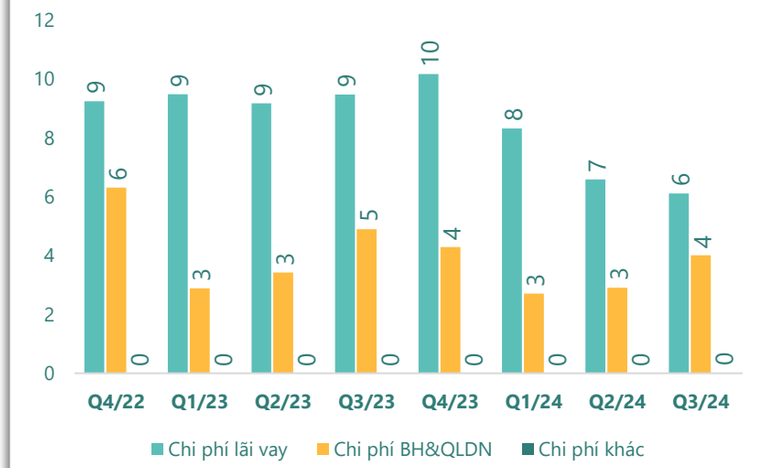
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



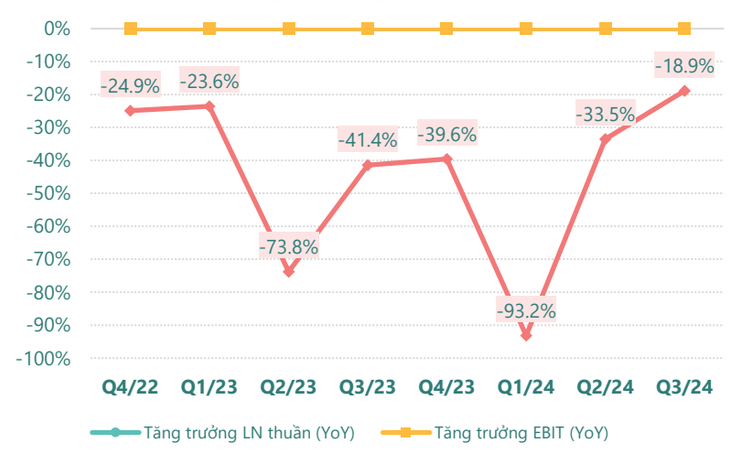
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



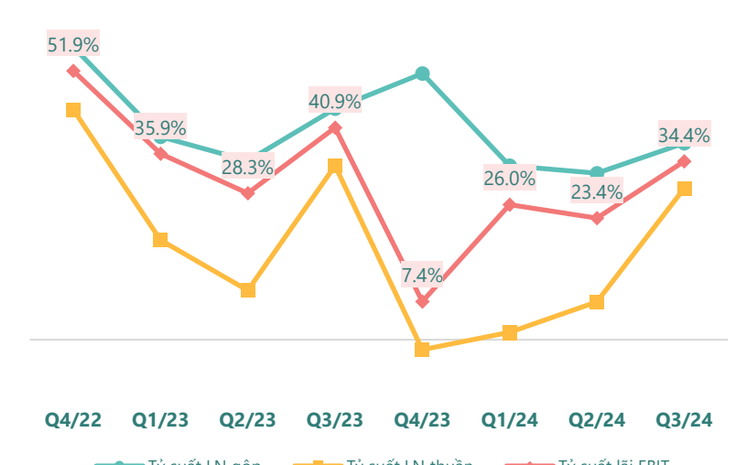
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



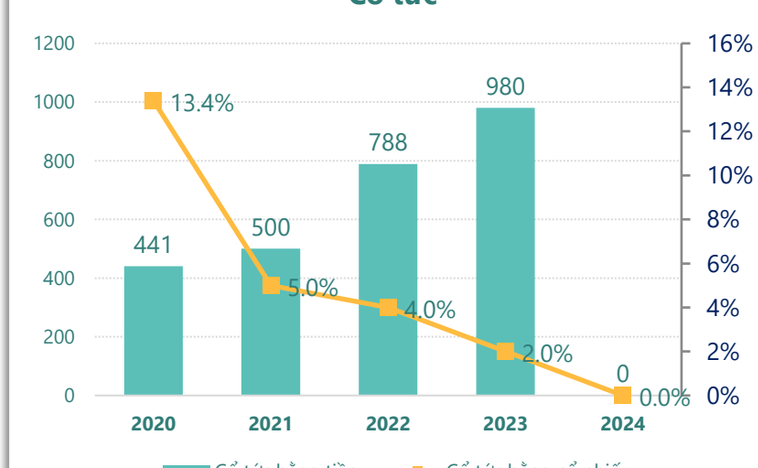
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

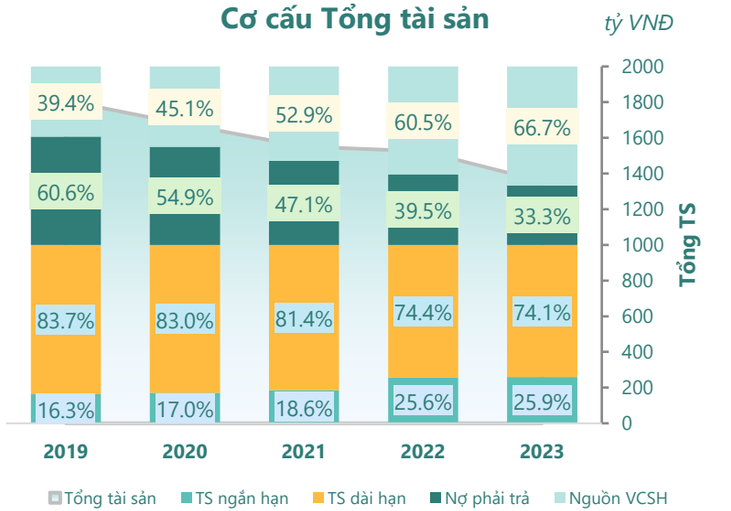
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

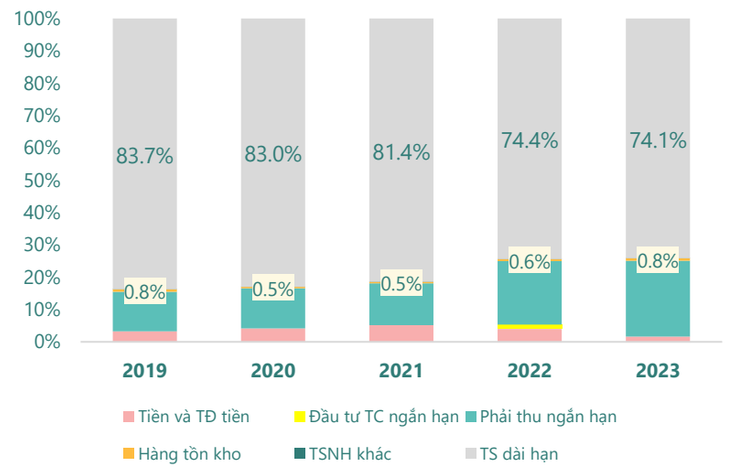
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



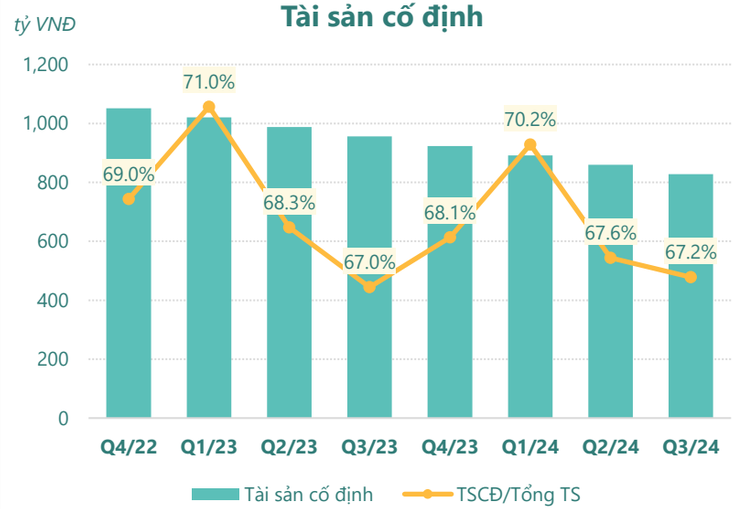
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



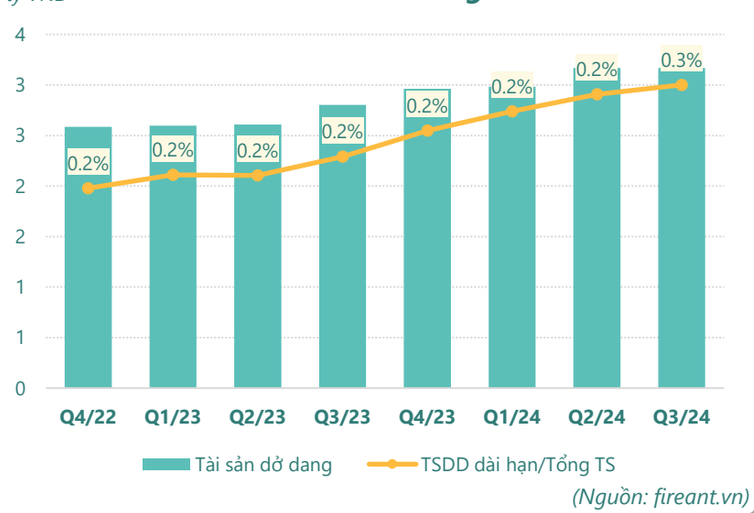
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



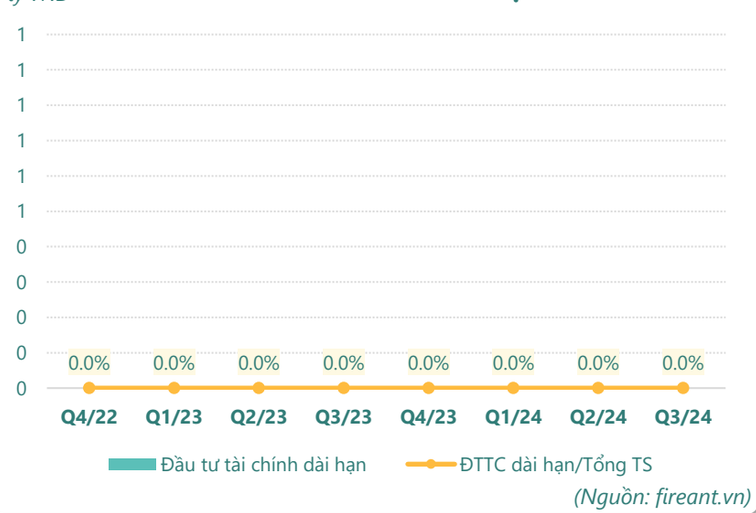
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



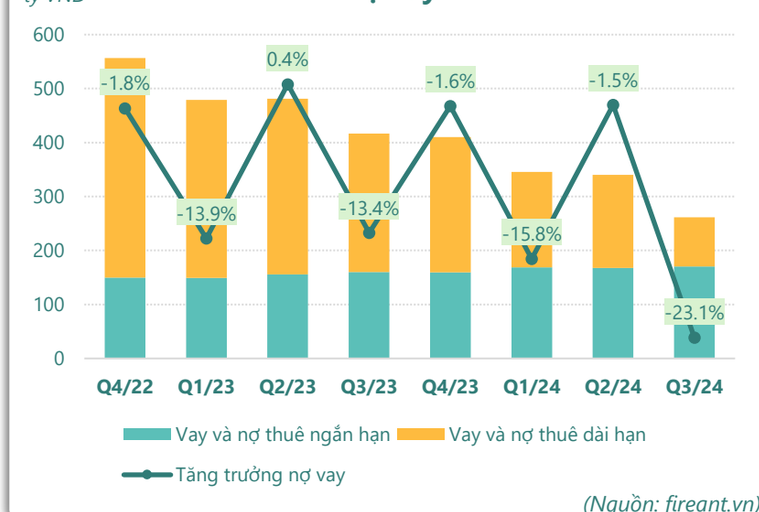
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

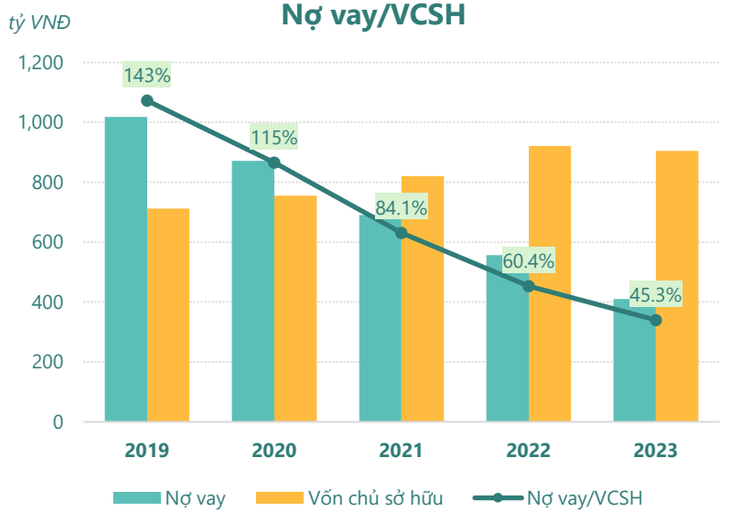
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

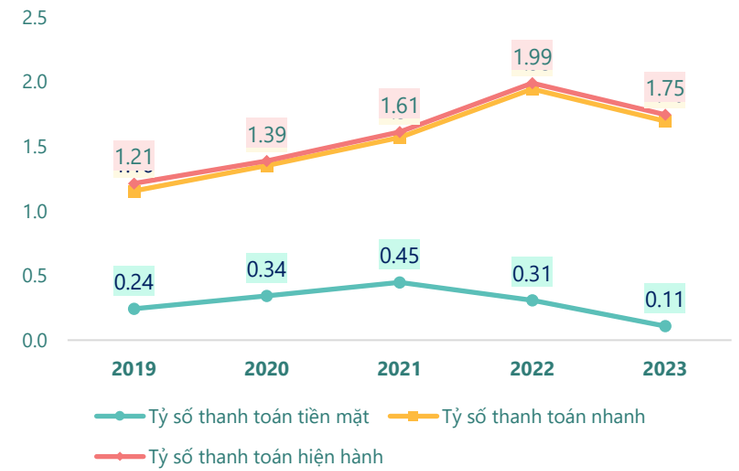
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



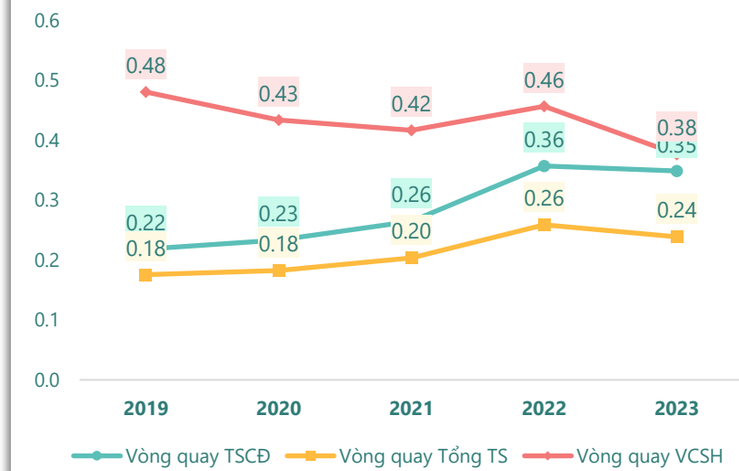
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



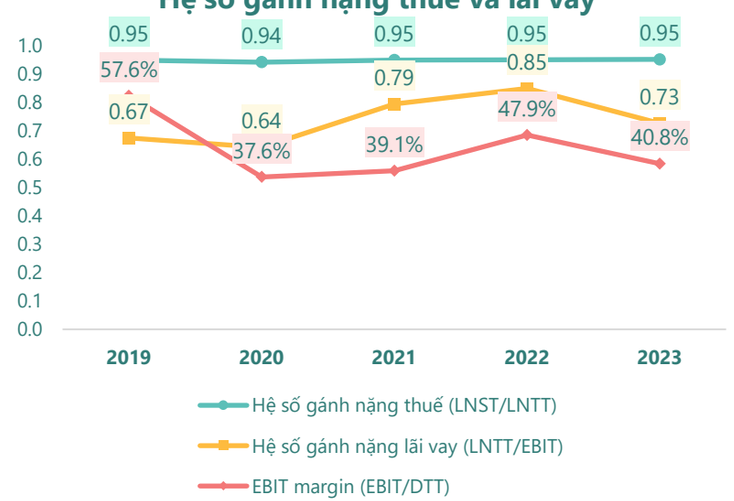
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



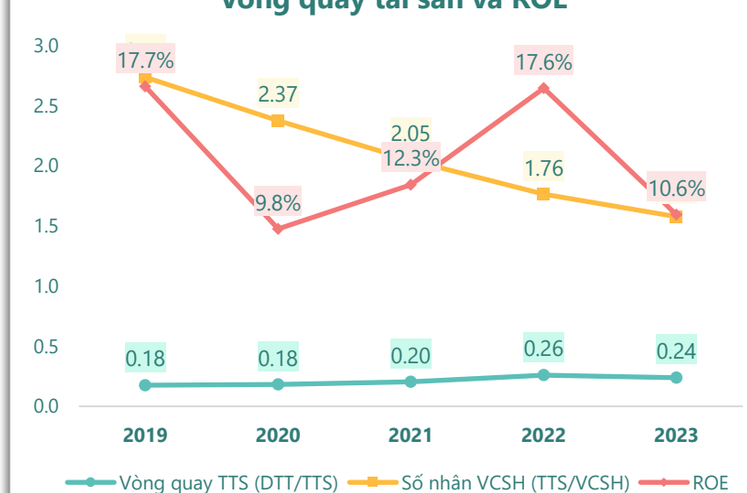
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



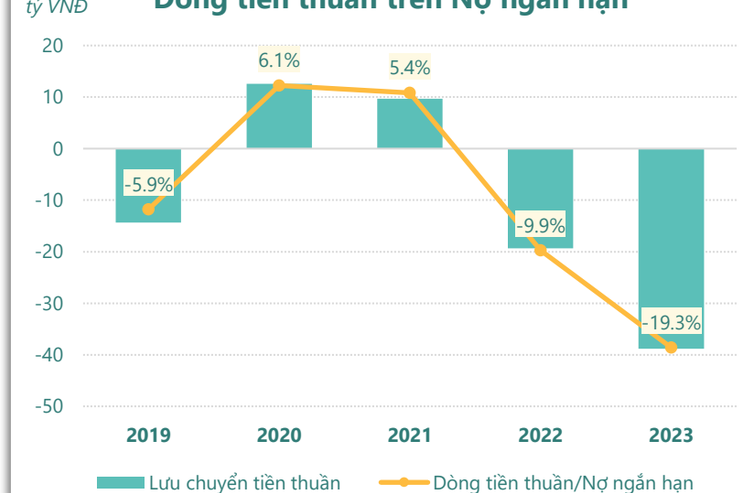
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**117**	**128**	**-8.4%**	**192**	**234**	**-18.1%**
Giá vốn hàng bán	72.7	71.2	2.2%	123	138	-10.9%
Lợi nhuận gộp	44.5	57.2	-22.3%	68.9	96.5	-28.6%
Doanh thu HĐTC	0.17	0.68	-74.8%	0.36	2.82	-87.2%
Chi phí TC	6.37	9.94	-35.9%	21.9	29.4	-25.4%
Chi phí lãi vay	6.12	9.49	-35.5%	21.0	28.2	-25.3%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**4.02**	**4.90**	**-18.0%**	**9.63**	**11.2**	**-14.1%**
LN thuần từ HĐKD	34.2	43.0	-20.4%	37.7	58.6	-35.7%
Lợi nhuận khác	**-0.01**	**0.00**		**-0.01**	**0**	
LN trước thuế	34.2	43.0	-20.4%	37.7	58.6	-35.7%
Lợi nhuận sau thuế	**32.5**	**40.9**	**-20.6%**	**35.7**	**55.6**	**-35.8%**
LNST của CĐ cty mẹ	**32.5**	**40.9**	**-20.6%**	**35.7**	**55.6**	**-35.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	42.8	9.38	54.2	54.4	12.0	64.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	21.5	-19.4	0.16	0.18	-0.17	1.94
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-3.98	-71.7	-50.5	-74.6	-8.78	-70.2
Tiền đầu kỳ	39.6	99.8	18.0	21.9	1.90	4.99
Lưu chuyển tiền thuần	**60.3**	**-81.8**	**3.87**	**-20.0**	**3.09**	**-3.47**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	99.8	18.0	21.9	1.90	4.99	1.52

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,232**	**1,356**	**-9.2%**
Tài sản ngắn hạn	324	352	-7.8%
Tiền và tương đương tiền	1.52	21.9	-93.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	301	319	-5.6%
Hàng tồn kho	10.5	10.3	1.4%
Tài sản ngắn hạn khác	11.1	0.57	1832%
Tài sản dài hạn	**908**	**1,005**	**-9.7%**
Phải thu dài hạn	0.05	0.05	0.0%
Tài sản cố định	828	924	-10.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	3.17	2.96	6.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**76.9**	**78.3**	**-1.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	293	452	-35.0%
Nợ ngắn hạn	**202**	**201**	**0.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	170	160	6.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	1.84	2.37	-22.2%
Nợ dài hạn	91.2	250	-63.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	91.2	250	-63.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**939**	**905**	**3.7%**
Vốn chủ sở hữu	**939**	**905**	**3.7%**
Vốn điều lệ	669	669	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)